

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 1954/TTr-SXD ngày 06 tháng 10 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ một số thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2858 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Số thứ tự	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
<b>Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nhà ở và công sở</b>	
1	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng.
2	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	
3	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	
4	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
5	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
6	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
7	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng</b>	
1	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Thực hiện theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng
2	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	



3	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Thực hiện theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng
4	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
5	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	
7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	
8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	
9	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	
10	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	
11	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	
12	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
13	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
14	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
15	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II;	

	công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
16	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
17	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
18	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
19	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)	
20	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	
21	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi	

Thực hiện theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng



	bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP) )	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng</b>	
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Thực hiện theo Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ Xây dựng
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản</b>	
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	Thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng
<b>Tổng số: 30 thủ tục.</b>		